

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 52/2024/HSST
Ngày : 19/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huỳnh Hoàng Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Đình Thúc;

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Linh là Kiểm sát viên;

Hôm nay, ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36/2024/HSST ngày 20 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **LƯU QUỐC V**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1970 tại Tỉnh Khánh Hoà; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 25/32/18-20 S, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 2 S, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lưu Đức T (đã chết) và bà Đỗ Thị S (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1972; Con: 02 người (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/12/2023;

2. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THU H**; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: D Kênh A, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn Bé H (không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1995; Chồng: (không rõ); Con: có 02 người (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/12/2023;

(các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Lê Thị Thanh H2, Sinh năm 1969, C ở: Số C P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Anh Trần Ngọc T1, Sinh năm 1988, C ở: H L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

3/ Chị Nguyễn Thị B, Sinh năm 1971, C ở: A Đ, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

4/ Chị Lữ Thị Đ, Sinh năm 1977, C ở: A L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

5/ Chị Trần Thị Ánh N, Sinh năm 1972, C ở: 70/28/2/7 N, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

6/ Anh Phan Trường X, Sinh năm 1986, C ở: 7 Bờ Bao T, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

7/ Chị Đỗ Ngọc Hoài P; Sinh năm 1979, HKTT: B N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

8/ Anh Đoàn Viết T2, Sinh năm 1979, C ở: B L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

9/ Chị Huỳnh Thị Bích N1, Sinh năm: 1996, C ở: F C, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

10/ Anh Lê Văn H3; Sinh năm: 1974, Chỗ ở: B đường số D, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

(những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Quốc V1 và Nguyễn Thị Thu H4 quen nhau từ năm 2020. Khoảng đầu tháng 10/2022, V1 và H4 bắt đầu hoạt động cho vay lãi nặng bằng hình thức vay tiền góp với lãi suất từ 13% đến 20%/tháng và vay tiền đứng với lãi suất từ 10% đến 30%/tháng trên tổng số tiền vay. Số tiền cho vay do V1 bỏ ra và hưởng lãi suất, quá trình hoạt động cho vay lãi nặng V1 thuê H4 có nhiệm vụ hàng ngày cùng V1 đi gặp khách vay để thu tiền trả góp, thu tiền lãi, liên hệ khách vay yêu cầu đóng tiền, có trường hợp H4 trực tiếp thay Việt giao dịch cho khách vay tiền. V1 trả công cho H4 số tiền 50.000 đồng/ngày, lo ăn uống, trả tiền nhà trọ cùng các chi phí sinh hoạt khác cho H4.

V1 sử dụng tài khoản ngân hàng M tên Lưu Q; H4 sử dụng tài khoản ngân hàng S1 số 060148874193 tên Nguyễn T để giao dịch chuyển tiền, nhận tiền góp ngày, tiền lãi hàng ngày từ các khách vay.

Ngày 03/12/2023, Tổ tuần tra 363 Công an Thành phố H kết hợp với Đ1 Công an quận T và Công an phường P khi Lưu Quốc V1, Nguyễn Thị Thu H4 lưu thông đến trước nhà số F Kênh T, phường P, quận T thì bị kiểm tra phát hiện có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn các quận, huyện T nên tổ công tác đã đưa V1 và H4 về Công an phường P, quận T để xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra xác định, Lưu Quốc V1 và Nguyễn Thị Thu H4 đã cho 10 người vay tiền lấy lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Chị Lê Thị Thanh H2 (Sinh năm 1969, chỗ ở: Số C P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) vay 04 lần:

- Lần thứ 01: Ngày 15/11/2023, vay góp số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, không thu phí hồ sơ, mỗi ngày đóng số tiền 200.000 đồng, đã trả đủ 24 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 53.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 746.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 746.667 đồng.

- Lần thứ 02: Ngày 15/11/2023, vay đứng số tiền 5.000.000 đồng, không thu phí hồ sơ, mỗi ngày đóng tiền lãi số tiền 50.000 đồng, đến ngày 28/11/2023, anh H2 đóng tiền lãi 14 ngày với tổng số tiền 700.000 đồng và trả tiền gốc 5.000.000 đồng, lãi suất 360%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 38.889 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 661.111 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 661.111 đồng.

- Lần thứ 03: Ngày 28/11/2023, vay góp số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng số tiền 200.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả được 06 ngày với tổng số tiền 1.200.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 13.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 186.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 186.667 đồng.

- Lần thứ 04: Ngày 28/11/2023, vay đứng số tiền 10.000.000 đồng, không thu phí hồ sơ, tiền lãi mỗi ngày đóng là 100.000 đồng; Anh H2 đã đóng tiền lãi được 06 ngày với tổng số tiền 600.000 đồng, lãi suất 360%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 33.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 566.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 566.667 đồng.

2. Anh Trần Ngọc T1 (Sinh năm 1988, C ở: H L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) vay 03 lần:

- Lần thứ 01: Ngày 03/11/2023, vay đứng số tiền 30.000.000 đồng, mỗi ngày phải đóng tiền lãi số tiền 300.000 đồng, không thu phí hồ sơ. Anh T1 đã đóng tiền lãi được 17 ngày với tổng số tiền 5.100.000 đồng và trả đủ tiền gốc 30.000.000 đồng, lãi suất 360%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 283.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 4.816.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 4.816.667 đồng.

- Lần thứ 02: Ngày 19/11/2023, vay đứng số tiền 40.000.000 đồng, mỗi ngày đóng tiền lãi số tiền 400.000 đồng, không thu phí hồ sơ. Anh T1 đã đóng tiền lãi được 13 ngày với tổng số tiền 5.200.000 đồng và trả đủ tiền gốc 40.000.000 đồng, lãi suất 360%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 288.889 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 4.911.111 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 4.911.111 đồng.

- Lần thứ 03: Ngày 02/12/2023, vay đứng số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày đóng tiền lãi số tiền 200.000 đồng, không thu phí hồ sơ, anh T1 chưa đóng tiền lãi được ngày nào và chưa trả tiền gốc nên V1 chưa thu lợi.

3. Chị Nguyễn Thị B (sinh năm 1971, C1 ở: A Đ, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) vay 03 lần:

- Lần thứ 01: Ngày 18/8/2023, vay đứng số tiền 30.000.000 đồng, không thu phí hồ sơ. Đến ngày 18/9/2023 chị B đã đóng tiền lãi 3.000.000 đồng và trả đủ số tiền vay 30.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 500.000 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 2.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.500.000 đồng.

- Lần thứ 02: Ngày 22/10/2023, vay đứng số tiền 10.000.000 đồng, không thu phí hồ sơ. Đến ngày 23/11/2023 chị B đã đóng tiền lãi số tiền 1.000.000 đồng và vẫn đang tiếp tục vay nên chưa trả tiền gốc, lãi suất 120%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép

là 166.667 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 833.333 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 833.333 đồng.

- Lần thứ 03: Ngày 30/10/2023, vay đúng số tiền 10.000.000 đồng, không thu phí hồ sơ. Đến ngày 23/11/2023 chị B đã đóng tiền lãi số tiền 1.000.000 đồng và vẫn đang tiếp tục vay nên chưa trả tiền gốc, lãi suất 120%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 166.667 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 833.333 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 833.333 đồng.

4. Chị Lữ Thị Đ (sinh năm 1977, C ở: A L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) vay 03 lần:

- Lần thứ 01: Ngày 25/10/2023, vay tiền góp số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng số tiền 150.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã đóng đủ 24 ngày với tổng số tiền 3.600.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 40.000 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 560.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 560.000 đồng.

- Lần thứ 02: Ngày 07/11/2023, vay góp số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 150.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã đóng đủ 24 ngày với tổng số tiền 3.600.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 40.000 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 560.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 560.000 đồng.

- Lần thứ 03: Ngày 24/11/2023 vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng số tiền 250.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã đóng được 12 ngày với tổng số tiền 3.000.000 đồng, chưa trả xong, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 33.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 466.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 466.667 đồng.

5. Chị Trần Thị Ánh N (Sinh năm 1972, C ở: 70/28/2/7 N, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) vay 02 lần:

- Lần thứ 01: Ngày 04/10/2023, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng số tiền 250.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 24 ngày với tổng số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 66.667 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 933.333 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 933.333 đồng.

- Lần thứ 02: Ngày 18/10/2023, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng số tiền 250.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 24 ngày với tổng số tiền 6000.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 66.667 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 933.333 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 933.333 đồng.

- Lần thứ 03: Ngày 02/11/2023, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng số tiền 250.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 24 ngày với tổng số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 66.667 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 933.333 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 933.333 đồng.

- Lần thứ 04: Ngày 23/11/2023, vay góp số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng số tiền 300.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã đóng 04 ngày với tổng số tiền 1.200.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho

phép là 13.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 186.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 186.667 đồng.

6. Anh Phan Trường X (Sinh năm 1986, C ở: 7 Bờ Bao T, phường S, quận T) vay 4 lần:

- Lần thứ 01: Ngày 23/08/2023, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày đóng số tiền 400.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 30 ngày với tổng số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 240%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 166.667 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 1.833.333 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.833.333 đồng.

Lần thứ 02: Ngày 14/09/2023, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày đóng số tiền 400.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã đóng đủ 30 ngày với tổng số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 240%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 166.667 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 1.833.333 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.833.333 đồng.

Lần thứ 03: Ngày 21/11/2023, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày đóng số tiền 500.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã đóng 14 ngày với tổng số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 600%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 77.778 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 2.225.556 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.225.556 đồng.

7. Chị Đỗ Ngọc Hoài P (sinh năm: 1979, HKTT: B N, phường T, quận T) vay 32 lần:

- Lần thứ 01: Khoảng đầu tháng 10/2022, vay góp số tiền 20.000.000 đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp số tiền 800.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 30 ngày với tổng số tiền 24.000.000 đồng, lãi suất 240%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 333.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 3.666.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.666.667 đồng.

- Lần thứ 02: Khoảng đầu tháng 11/2022, vay góp số tiền 30.000.000 đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp số tiền 1.200.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 30 ngày với tổng số tiền 36.000.000 đồng, lãi suất 240%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 500.000 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 5.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.500.000 đồng.

- Lần thứ 03: Ngày 06/11/2022, vay đứng số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày đóng tiền lãi 100.000 đồng, không thu phí hồ sơ. Đến ngày 02/02/2023 đã đóng được 86 ngày tiền lãi với tổng số tiền 8.600.000 đồng và trả đủ tiền gốc 10.000.000 đồng, lãi suất 360%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 477.778 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 8.122.222 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 8.122.222 đồng.

- Lần thứ 04: Ngày 18/11/2022, vay góp số tiền 30.000.000 đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp số tiền 1.200.000 đồng, không thu phí hồ sơ. Đến ngày 5/12/2022, đã trả đủ 30 ngày với tổng số tiền 36.000.000 đồng, lãi suất 240%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 500.000 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 5.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.500.000 đồng.

- Lần thứ 05: Ngày 05/12/2022, vay góp số tiền 30.000.000 đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp số tiền 1.200.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã đóng đủ 30 ngày với tổng số tiền 36.000.000 đồng, lãi suất 240%/năm, số tiền lãi theo lãi suất

cho phép là 500.000 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 5.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.500.000 đồng.

- Lần thứ 06: Ngày 20/12/2022, vay góp số tiền 30.000.000 đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp số tiền 1.200.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã đóng đủ 30 ngày với tổng số tiền 36.000.000 đồng, lãi suất 240%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 500.000 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 5.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.500.000 đồng.

- Lần thứ 07: Ngày 05/1/2023, vay góp số tiền 30.000.000 đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp số tiền 1.200.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã đóng đủ 30 ngày với tổng số tiền 36.000.000 đồng, lãi suất 240%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 500.000 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 5.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.500.000 đồng.

- Lần thứ 08: Ngày 7/2/2023, vay tiền góp số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 24 ngày với tổng số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 133.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 1.866.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.866.667 đồng.

- Lần thứ 09: Ngày 13/2/2023, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 24 ngày với tổng số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 133.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 1.866.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.866.667 đồng.

- Lần thứ 10: Ngày 20/2/2023, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 24 ngày với tổng số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 133.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 1.866.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.866.667 đồng.

- Lần thứ 11: Ngày 27/2/2023, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 24 ngày với tổng số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 133.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 1.866.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.866.667 đồng.

- Lần thứ 12: Ngày 15/3/2023, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 24 ngày với tổng số tiền 12.000.000 đồng lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 133.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 1.866.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.866.667 đồng.

- Lần thứ 13: Ngày 10/3/2023, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 24 ngày với tổng số tiền 12.000.000 đồng lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 133.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 1.866.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.866.667 đồng.

- Lần thứ 14: Ngày 13/3/2023, vay góp số tiền 20.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 1.000.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 24 ngày với tổng số tiền 24.000.000 đồng. mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, không thu

- Lần thứ 31: Ngày 26/6/2023, vay góp số tiền 20.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 1.000.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả được 03 ngày với tổng số tiền 03.000.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất

cho phép là 33.333 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 466.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 466.667 đồng.

- Lần thứ 32: Ngày 10/7/2023, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả được 07 ngày với tổng số tiền 3.500.000 đồng, lãi suất 300%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 38.889 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 544.444 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 544.444 đồng.

8. Anh Đoàn Viết T2 (Sinh năm: 1979, C ở: B L, phường L, Thành phố T) vay 02 lần:

- Lần thứ 01: Ngày 25/9/2023, vay góp số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong vòng 22 ngày, mỗi ngày góp số tiền 150.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 22 ngày với tổng số tiền 3.300.000 đồng, lãi suất 164%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 36.667 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 263.333 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính 263.333 đồng.

- Lần thứ 02: Ngày 09/11/2023, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 20 ngày, mỗi ngày góp số tiền 250.000 đồng, không thu phí hồ sơ, đã trả đủ 20 ngày với tổng số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 0%/năm, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 55.556 đồng, số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 0 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 0 đồng.

9. Chị Huỳnh Thị Bích N1 (Sinh năm: 1996, C ở: F C, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh) vay 01 lần: Khoảng đầu tháng 9/2023 vay số tiền 15.000.000 đồng. Do N1 là em cùng mẹ khác cha của Nguyễn Thị Thu H4 nên V1 không lấy lãi. Chị N1 đã trả đủ tiền vay cho V1 là 15.000.000 đồng.

10. Anh Lê Văn H3 (Sinh năm: 1974, chỗ ở: B đường số D, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh) vay 03 lần:

- Lần thứ 01: Ngày 06/10/2023, vay đứng số tiền 2.200.000 đồng, trả lãi 30 ngày với lãi xuất 13,6%. Khi vay tiền V1 sử dụng tài khoản ngân hàng M số 968888688889 chuyển vào tài khoản ngân hàng TMCP Á (A) số tài khoản 254740599 của H3 số tiền 2.200.000 đồng. Đến ngày 2/11/2023 H3 sử dụng tài khoản ngân hàng chuyển tiền gốc 2.200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của V1 và dùng tiền mặt trả 300.000 đồng tiền lãi cho V1. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 263.333 đồng.

- Lần thứ 02: Vào ngày 14/10/2023, H3 vay của V1 số tiền 2.000.000 đồng bằng hình thức vay tiền đứng, vay 30 ngày với lãi xuất 10%. Khi vay tiền V1 sử dụng tài khoản ngân hàng M số 968888688889 chuyển vào tài khoản ngân hàng TMCP Á (A) số tài khoản 254740599 của H3 số tiền 2.000.000 đồng. Đến ngày 27/10/2023 H3 sử dụng tài khoản ngân hàng chuyển tiền gốc 2.200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của V1 trả toàn bộ tiền gốc và lãi. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 166.676 đồng.

- Lần thứ 03: Vào ngày 12/11/2023, H3 vay của V1 số tiền 3.000.000 đồng bằng hình thức vay tiền đứng, vay 30 ngày với lãi xuất 10%. Khi vay tiền V1 sử dụng tài khoản ngân hàng M số 968888688889 chuyển vào tài khoản ngân hàng TMCP Á (A) số tài khoản 254740599 của H3 số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 22/11/2023 H3 sử dụng tài khoản ngân hàng chuyển tiền gốc 300.000 đồng lãi vào tài khoản ngân hàng của V1. Hiện chưa trả tiền gốc, tiếp tục vay. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 250.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Lưu Quốc V1 và Nguyễn Thị Thu H4 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone số Imei: 359508629367458, V1 sử dụng liên lạc thực hiện cho vay lãi nặng.

- 01 xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha biển số 59S3-533.55, số khung: PMYKE0600F0145811, số máy: E101EK145811. Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Lưu Gia V2 (con ruột Việt) thường trú nhà số B đường S, phường S, quận T đứng tên chủ sở hữu (BL 30-33). Anh V2 cho Lưu Quốc V1 mượn xe gắn máy để đi công việc thì bị kiểm tra thu giữ, việc V1 sử dụng xe gắn máy để thực hiện hành vi Cho vay lãi nặng thì anh V2 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe gắn máy trên cho anh V2 và anh V2 không có yêu cầu gì khác.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353917106903980, H4 liên lạc thực hiện cho vay lãi nặng.

- Số tiền 5.000.000 đồng, là số tiền góp Việt thu trong ngày 03/12/2023 đưa cho H4 cất giữ.

Các vật chứng trên Cơ quan điều tra đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số 202/PNK ngày 24/11/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản cáo trạng số 56/CT-VKSQTP ngày 19 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lưu Quốc V1, Nguyễn Thị Thu H4 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cũng như xem xét các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lưu Quốc V1, Nguyễn Thị Thu H4 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điều 38; Điều 17; Điều 50; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lưu Quốc V1 mức án tù 07 (bảy) tháng đến 01 năm tù;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điều 65; Điều 17; Điều 50; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 bị cáo Nguyễn Thị Thu H4 mức án tù 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng;

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vật chứng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phân trách nhiệm dân sự và vật chứng.

Các bị cáo Lưu Quốc V1, Nguyễn Thị Thu H4 nói lời sau cùng: Các bị cáo hối hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo một mức án nhẹ để có cơ hội sửa sai và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với Bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận: từ khoảng tháng 10/2022 đến ngày 03/12/2023 Lưu Quốc V1 với sự giúp sức của Nguyễn Thị Thu H4 đã có hành vi cho 10 người vay tiền lấy lãi suất cao từ 120%/năm đến 600%/năm, vượt quá mức lãi suất cho phép của Nhà nước gồm: Chị Lê Thị Thanh H2, anh Trần Ngọc T1, chị Nguyễn Thị B, Lữ Thị Đ, Trần Thị Ánh N, anh Phan Trường X, chị Đỗ Ngọc Hoài P, anh Đoàn Viết T2, chị Huỳnh Thị Bích N1, anh Lê Văn H3 với tổng số tiền gốc cho vay là 735.200.000 đồng, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 9.683.333 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính là: 121.850.000 đồng (số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép) thì bị phát hiện tại trước nhà số F Kênh T, phường P, quận T. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng thậm chí phải bán tài sản để trả nợ, ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo còn có khả năng làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự cũng như sức khỏe của những người vay tiền và gia đình của họ. Mặc dù bản thân các bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do mục đích thu lợi bất chính, do tư lợi cá nhân mà các bị cáo xem thường pháp luật, bản thân các bị cáo đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp luật thay vì phải biết sống đặt mình vào khuôn khổ của pháp luật nhưng các bị cáo lại chọn việc vi phạm pháp luật, đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của các bị cáo. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Thiết nghĩ cần có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, răn đe các bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét vai trò phạm tội của từng bị cáo trong vụ án nhằm đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể:

- Đối với bị cáo Lưu Quốc V1: Vai trò của bị cáo trong vụ án này là đầu vụ, bị cáo là người trực tiếp cho vay và quy định mức lãi suất vượt quy định, đã thu lợi trong một khoảng thời gian khá dài, cơ quan điều tra đã chứng minh và bị cáo cũng thừa nhận số tiền thu lợi bất chính 121.850.000 đồng sau đó đã bị phát hiện và truy tố. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt dành cho bị cáo sẽ nghiêm khắc hơn các bị cáo khác để thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H4 là đồng phạm giúp sức cho bị cáo V1 trong việc cho vay lãi nặng và thu lãi của những người vay tiền, tuy nhiên vai trò của bị cáo trong vụ án này là người làm công, được V1 trả tiền hàng tháng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt dành cho bị cáo sẽ có phần nhẹ hơn bị cáo V1;

Đây là vụ án có đồng phạm tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự phân công rõ ràng, đồng phạm mang tính giản đơn nên không thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức”;

Từ những phân tích về vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo V1, áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo H4 trên cơ sở xem xét các căn cứ về khung hình phạt và dựa vào việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là hoàn toàn phù hợp, thỏa đáng với toàn bộ diễn biến hành vi các bị cáo đã thực hiện;

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và trước phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H4 giữ vai trò hạn chế, là người làm công giúp việc cho bị cáo V1, ngoài ra bị cáo H4 hiện đang là lao động chính trong gia đình, là người trực tiếp nuôi 02 con còn đang độ tuổi đi học do đó nghĩ không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cần tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục nuôi hai con nhỏ, giúp bị cáo cải tạo con người trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo được hưởng án treo có ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tuy nhiên trong quá trình điều tra những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có bất cứ yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không có gì phải giải quyết;

[6] Về biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định tổng số tiền người vay đã trả cho bị cáo Lưu Quốc V1 là 866.733.333 đồng (trong đó tiền gốc cho vay là 735.200.000 đồng, số tiền lãi theo lãi suất cho phép là 9.683.333 đồng; Số tiền lãi vượt quá lãi suất cho phép là 121.850.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 9.683.333 đồng, tiền gốc cho vay là 735.200.000 đồng tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần tịch thu sung ngân sách nhà nước;

Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo V1 thu được từ việc cho vay lãi nặng là 121.850.000 đồng, theo quy định tại Đoạn 2 Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì: “Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định 18 tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”. Do đó, khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền V1 thu lợi bất chính của những người vay. Toàn bộ người vay đều khai nhận mục đích vay tiền của V1 để sử dụng vào việc đầu tư kinh doanh, làm trang trại, khám chữa bệnh, chi trả tiền nợ và chi tiêu sinh hoạt cá nhân, ngoài ra không sử dụng tiền vay vào mục đích vi phạm pháp luật nên buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã thu này cho toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả tiền gốc cho bị cáo V1 buộc những người này phải nộp số tiền nợ gốc đã vay chưa trả (sau khi trừ số tiền đã trả vào nợ gốc đã vay) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với bị cáo H4 được hưởng lợi từ việc giúp sức cho V1 cho vay lãi nặng với số tiền là 19.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước do đây là số tiền bị cáo được hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng;

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với một (01) điện thoại di động hiệu Iphone số Imei: 359508629367458, V1 sử dụng liên lạc thực hiện cho vay lãi nặng; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353917106903980, H4 liên lạc thực hiện cho vay lãi nặng. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Đối với số tiền 5.000.000 đồng là số tiền góp Việt thu trong ngày 03/12/2023 đưa cho H4 cất giữ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là số tiền có được từ việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước;

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Đối với án phí dân sự sơ thẩm: trong vụ án này không có người bị hại, những người mà bị cáo cho vay được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, việc tuyên trả số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cho phép cho những người vay và việc tuyên buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc chưa trả hết cho bị cáo chỉ là trả lại phần tài sản do bị cáo đã thu lợi bất chính và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được hưởng lợi mà không được xác định là bồi thường thiệt hại. Theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì đây chỉ là biện pháp tư pháp được áp dụng với người phạm tội. Theo quy định tại Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự được xác định trong trường hợp Tòa án giải quyết cả phần dân sự trong vụ án hình sự. Do đó, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lưu Quốc V1, Nguyễn Thị Thu H4 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

* Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điều 38; Điều 17, Điều 50; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Bị cáo Lưu Quốc V1 07 (bảy) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/12/2023;

* Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điều 65; Điều 17; Điều 50; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị Thu H4 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường S, quận T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Miễn khoản tiền phạt bổ sung cho các bị cáo.

* Áp dụng Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: một (01) điện thoại di động hiệu Iphone số Imei: 359508629367458; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone số Imei: 353917106903980 và số tiền 5.000.000 đồng.

(Tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 202/PNK ngày 24/11/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

* Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Buộc bị cáo Lưu Quốc V1 nộp lại số tiền 744.883.333 đồng (trong đó 735.200.000 đồng là khoản tiền gốc cho vay; Số tiền thu lợi theo lãi suất cho phép là 9.683.333 đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo H4 nộp lại số tiền 19.500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc giúp sức cho Lưu Quốc V1 cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Tổng số tiền Lưu Quốc V1 thu lãi vượt quá lãi suất cho phép (thu lợi bất chính) là 121.850.000 đồng. Đối với số tiền này, buộc bị cáo V1 trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

- + Trả lại cho chị Lê Thị Thanh H2 số tiền 2.161.112 đồng;
- + Trả lại cho anh Trần Ngọc T1 số tiền 9.727.778 đồng;
- + Trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền 4.166.666 đồng;
- + Trả lại cho chị Lữ Thị Đ số tiền 1.586.667 đồng;
- + Trả lại cho chị Trần Thị Ánh N số tiền 2.986.666 đồng;
- + Trả lại cho anh Phan Trường X số tiền 5.892.222 đồng;
- + Trả lại cho chị Đỗ Ngọc H5 P số tiền 94.355.559 đồng;
- + Trả lại cho anh Đoàn Viết T2 số tiền 263.333 đồng;
- + Trả lại cho anh Lê Văn H3 số tiền 680.009 đồng;

- Đối với số tiền những người vay chưa trả hết tiền gốc cho bị cáo V1 thì buộc những người này nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- + Buộc chị Lê Thị Thanh H2 nộp lại số tiền 7.500.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước;
- + Buộc anh Trần Ngọc T1 nộp lại số tiền 20.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước;
- + Buộc chị Nguyễn Thị B nộp lại số tiền 20.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước;
- + Buộc chị Lữ Thị Đ nộp lại số tiền 2.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước;
- + Buộc chị Trần Thị Ánh N nộp lại số tiền 4.800.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước;
- + Buộc anh Phan Trường X nộp lại số tiền 3.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước;
- + Buộc chị Đỗ Ngọc H5 P nộp lại số tiền 23.500.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước;
- + Buộc anh Lê Văn H3 nộp lại số tiền 3.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm;

Trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo V1 45 ngày tính từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

(Hội đồng xét xử đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Công an quận Tân Phú;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PC27 CATP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Huỳnh Hoàng Phương